

# KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỆN (Tập 1)

## Quyển Thượng

Năm xưa, mỗi đạo tràng mới được xây dựng lên, bộ Kinh đầu tiên mà tôi nhất định giảng là Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyên. Tại vì sao phải giảng bộ Kinh này vậy? Phật pháp thiết lập không thể tách rời cơ sở vật chất, theo cách nói hiện nay của chúng ta là nhất định phải có đất đai, phải có phòng ốc, phải có kiến trúc. Sau khi đã có cơ sở vững chắc rồi, chúng ta mới có một nơi tu đạo. Nhưng mà tu đạo phải dựa vào cái gì vậy? **Chúng ta nhất định phải biết, tu đạo nhất định phải dựa vào “Tâm địa”.** "Kinh Địa Tạng" chính là khóa trình đầu tiên của chúng ta. Sau khi đã có nền tảng vật chất rồi, thì trong nền tảng tinh thần, cái quan trọng nhất là pháp môn Tâm Địa. Cho nên bộ đầu tiên chúng ta nhất định phải giảng giải là “Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyên”, để làm nền tảng cho việc tu học Đại thừa của chúng ta. Nếu như không biết được pháp môn Tâm Địa, không biết bắt đầu tu từ tâm địa, thì cuối cùng quyết định là không có thành tựu gì cả. Hay nói cách khác, bất luận bạn dụng công như thế nào, nỗ lực ra sao, phấn đấu như thế nào, tinh tấn như thế nào, bạn vẫn không thể ra khỏi lục đạo luân hồi, vẫn y như cũ, những gì mà bạn tu chẳng qua là phước báo hữu lậu mà thôi.

Đại biểu cho Phật pháp Đại thừa ở Trung Quốc là bốn vị Bồ-tát lớn. Vị thứ nhất chính là Bồ-tát Địa Tạng. Từ Bồ-tát Địa Tạng phát triển ra tiếp nữa là Bồ-tát Quán Thế Âm, là đại từ đại bi.

Địa Tạng là hiệu kính.

Ngày nay tại vì sao Phật pháp suy như vậy? Người tu học tại vì sao không có thành tựu rõ rệt giống như trước đây? Vì mọi người quên mất gốc rồi, bắt hiệu, bắt kính. Loại tu học này, Lý Lão sư trước đây thường hay nói là bốn cột Phật pháp; họ không phải đang tu học Phật pháp, cũng không phải đang hoằng dương Phật pháp, mà là đang trêu đùa Phật pháp, tiêu khiển Phật pháp; không có việc gì làm, tiêu khiển cho vui vậy, lấy Phật pháp để mà tiêu khiển. Thật sự là như vậy. Lời Lý Lão sư nói cũng không quá đáng một chút nào. Chúng ta thử nghĩ xem, bản thân chúng ta có phải là cũng đang tiêu khiển Phật pháp, cũng đang đùa giỡn với Phật pháp phải không? Chỉ tu được một chút phước báo hữu lậu mà thôi. Mà chút phước báo này nhất định không hưởng ở nhân gian. Đến đâu để hưởng vậy? Hưởng ở đường

súc sanh, ở đường ngã quý, hưởng ở đường ác. Vì sao không thể hưởng ở cõi người vậy? Tư cách làm người của bạn không có, cho nên tu phước không hưởng ở cõi người. Chúng ta cần hiểu rõ. Làm người phải biết hiếu thân tôn sư. Trong Tam Phước của “Quán Kinh”, phước đầu tiên là **“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”**, bạn mới có thể được thân người, phước báo mà bạn tu mới có thể hưởng ở trong cõi nhân thiên. Nếu như bốn câu này không làm được, thì phước báo mà bạn tu nhất định hưởng ở đường ác. Trong đường ác cũng có người phước báo rất lớn. Những lý và sự này chúng ta phải hiểu rõ, nhưng chúng ta không thể chuyên trở lại được, hay nói cách khác, hiểu rõ mà không làm được. Tại vì sao không làm được vậy? Nói lời thành thật, đối với những sự lý này hiểu chưa đủ thấu triệt. Thật sự thấu triệt rồi, nhất định họ có thể sám trừ nghiệp chướng, họ có thể quay đầu là bờ. Cho nên đạo tràng mới xây dựng lên, thì “Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện” nhất định không thể thiếu, nhất định phải giảng.

Quý vị đồng tu đến nơi đây để tham học, hôm nay chúng tôi xếp khóa trình này là khóa trình chủ yếu. Tuy thời gian không nhiều, nhưng chúng tôi nhất định nói kỹ phần trọng điểm. Tương lai quý vị hoàng dương Phật pháp ở trong nước, ngoài nước, phàm là đến một đạo tràng nào cũng cần phải giảng “Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện” trước, tiếp đó giảng “Kinh Vô Lượng Thọ”, khuyên họ niệm Phật vãng sanh. Đây là phép tắc nhất định.

"Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyện" Khoa Chú là do Pháp sư Linh Kiệt đầu thời nhà Thanh viết. Ngài là người khoảng năm Khang Hy, thời kỳ đầu triều Thanh. Chú giải hay vô cùng! Chúng ta đọc chú giải của Ngài cần phải thể hội thật tỉ mỉ. Nếu dùng ngôn ngữ hiện đại để biểu đạt, dùng quan niệm của người hiện đại để nói, thì mọi người sẽ dễ dàng tiếp nhận hơn.

Ở phần trước, Ngài có Luận Quán. Luận Quán tức là trước khi giảng Kinh văn thì giảng đại ý của toàn Kinh, để giới thiệu tóm lược. Ở trong Luận Quán bao gồm năm tầng huyền nghĩa, đây là bộ phận thứ nhất.

Bộ phận thứ hai dạy chúng ta cách quán như thế nào, cũng chính là dạy chúng ta học tập bộ Kinh này, làm sao đem quan niệm chuyển đổi trở lại.

Bộ phận thứ ba là giới thiệu đại ý toàn Kinh. Luận Quán của Ngài viết rất dài. Bộ phận này vô cùng quan trọng. Ở trong bộ phận huyền nghĩa, hoàn toàn dựa theo phương thức của tông Thiên Thai, thuyết minh giải thích đề Kinh. Biện thể (phân

biệt thể), thể là căn cứ lý luận, Phật căn cứ vào cái gì để giảng bộ Kinh này? Sau khi chúng ta hiểu rõ rồi, đối với bộ Kinh này, đối với lời thuyết pháp của Phật mới có thể sinh ra niềm tin kiên định. Bộ phận thứ ba là minh tông. Minh tông là nói tu hành. Hay nói cách khác, là làm sao đem những đạo lý này, những lý luận này thực tiễn vào trong đời sống của chúng ta.

Bộ phận thứ tư là luận dụng, chúng ta dựa vào phương pháp này tu học, sẽ đạt được những lợi ích công đức như thế nào.

Bộ phận sau cùng là nói giáo tướng. Giáo tướng là nói phương thức dạy học của Thế Tôn, nghi thức, phép tắc dạy học.

Ở trong năm khoa mục này, Pháp sư đều dùng ba chữ “bất tư nghi”. Đề Kinh là lấy Nhân Pháp bất tư nghi để đặt tên: “Bồ-tát Địa Tạng” bất khả tư nghi, “Bổn Nguyên” bất khả tư nghi. Bồ-tát Địa Tạng là nhân (người). Bổn nguyên là pháp. Ở trong phần Biện Thể, Ngài nói Tánh Thức bất tư nghi làm thể. Tánh là chân như bản tánh, chỗ chứng được của chư Phật Như-lai. Thức là dụng tâm của phàm phu chín pháp giới. Phàm phu chín pháp giới là đang mê. Khi mê rồi thì không gọi là tánh, mà gọi là thức. Tánh là chân tâm. Thức là vọng tâm. Hay nói cách khác, Ngài lấy tâm địa chân thật với tâm địa vọng tâm của chúng sanh chín pháp giới để làm nền tảng cho lập luận. Vậy là quá hay rồi.

Phật giảng bộ Kinh này căn cứ vào đâu vậy? Căn cứ vào chân tâm của bản thân chư Phật Như-lai, lại căn cứ theo vọng tâm của chúng sanh chín pháp giới nữa, vì chúng ta mà thuyết bộ Kinh điển này. Căn cứ lập luận của bộ Kinh điển này có thể nói là quá chân thật rồi.

Tánh Địa bất khả tư nghi. Chúng ta nói Địa Tạng, tánh Địa là chân tâm bất khả tư nghi. Vọng tâm của chúng sanh chín pháp giới cũng bất khả tư nghi.

Tánh thức bất tư nghi làm thể của Kinh. Lại lấy hạnh nguyện bất tư nghi làm tông. Tông chỉ của bổn Kinh, đại hạnh đại nguyện của Bồ-tát Địa Tạng đều bất khả tư nghi. Lại lấy phương tiện bất khả tư nghi làm dụng. Cái này có thể thấy được rất rõ ràng ở trong toàn Kinh, khiến cho chúng ta biết làm thế nào học tập. Sau cùng là lấy bất khả tư nghi hiển bày ra vô thượng Bồ đề làm giáo tướng. Nếu như lấy năm loại ví dụ này của cổ đại đức, ví dụ: giáo tướng dùng sữa, váng sữa, kem, bơ, pho-mát để biểu thị cho năm giai đoạn của Phật pháp. Địa Tạng Bổn Nguyên là đại

pháp vô thượng. Nền tảng là đại pháp vô thượng, thì thành tựu đương nhiên là Phật quả vô thượng. Cái này là tổng cương lĩnh của huyền nghĩa.

Hôm nay, chúng ta ở nơi đây giảng bộ “Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện” này có hai dụng ý. Một là nhận lời mời của Lão Pháp sư Nhân Đức tại Cửu Hoa Sơn. Tôi nhận lời Ngài trước ngày Thánh Đản của Bồ-tát Địa Tạng, vì đại chúng giới thiệu đại ý bốn nguyện của Bồ-tát Địa Tạng. Chúng tôi dự định ngày 1 tháng 9 khởi giảng, ngày 20 tháng 9 viên mãn. Ngày 20 chính là ngày 30 tháng 7 âm lịch, là ngày Thánh Đản Bồ-tát Địa Tạng. Ý nghĩa thứ hai là đạo tràng Tịnh Tông Học Hội Singapore xây dựng nên, chúng ta vẫn chưa có chính thức giảng một bộ Kinh nào ở nơi đây, hôm nay vì đạo tràng mới, khai giảng "Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nguyện" cũng là phù hợp với thường lệ giảng Kinh mừng đạo tràng mới trong nhiều năm của chúng ta. Cho nên có hai tầng ý nghĩa này. Trước tiên tại Báo Ân Đường của Tịnh Tông Học Hội, vì chư vị đồng tu mà nói bộ đại Kinh này.

## **GIỚI THIỆU ĐỀ KINH**

Trong huyền nghĩa, đương nhiên điều quan trọng nhất là trước tiên phải giới thiệu đề Kinh: “Địa Tạng Bồ-tát Bồ Nguyện Kinh”. Trong bảy chữ này, sáu chữ phía trước là biệt đề. Chữ “Kinh” này là thông đề. Tất cả pháp mà Phật nói đều gọi là Kinh. Ở trong biệt đề lại phân thành nhân và pháp. Bảy loại lập đề này chúng ta đã tinh lược bớt. Pháp sư Thánh Nhất ở trong Giảng Ký nói rất rõ ràng, quý vị có thể lấy làm tham khảo.

“Địa Tạng Bồ-tát” là nhân (người). “Bồ Nguyện” là pháp. Đề Kinh này là do Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình nói.

Phật ở trong Kinh nói Bộ Kinh này có thể dùng ba đề Kinh (ba tên gọi). Ba đề Kinh này đều là do Phật nói. Thứ nhất là “Địa Tạng Bồ Nguyện”. Ở trong pháp hội này, Thế Tôn vì chúng ta tuyên thuyết “Địa Tạng Bồ-tát Bồ Nguyện”, cũng có thể gọi là “Địa Tạng Bồ-tát bồ hạnh”. Hạnh và nguyện hỗ trợ nhau, có nguyện nhất định có hạnh. Dùng cách nói hiện nay để nói ý nghĩa của hạnh là đời sống của Bồ-tát Địa Tạng, sự tu trì của Bồ-tát Địa Tạng, cách đối nhân xử thế của Bồ-tát Địa Tạng, những điều này đều là bồ hạnh của Ngài. Lại có thể gọi là “Địa Tạng Bồ-tát Bồ Thệ Lực Kinh”. Lực là hiển thị năng lực thù thắng của Ngài. Hiện nay chúng ta đọc đề Kinh “Địa Tạng Bồ Nguyện” này là do người phiên dịch từ trong ba đề

Kinh này chọn ra. Bởi vì ở trong bốn nguyên này đã bao hàm bốn hạnh, cũng đã bao gồm bốn thế lực, ý nghĩa đều ở trong đó.

Chữ “**Địa**” trong từ “**Địa Tạng**”, nói ở trên sự là mặt đất. Mặt đất là nơi mà tất cả vạn vật dựa vào đó để sinh tồn. Bất kỳ một vật nào tách khỏi mặt đất thì không thể sinh tồn được. Cho nên ở Trung Quốc rất xem trọng đối với trời và đất. Ở trong bát quái tượng của Địa là quẻ Khôn, đức của Địa là mẹ. Ở trong “**Kinh Dịch**” nói: “*Chí tai khôn nguyên*” (tạm dịch: Lớn lao thay đức của Quẻ Khôn!). Chí là đến cực điểm. Đây là hình dung mặt đất, nơi vạn vật dựa vào để sống. Tất cả vạn vật đều sinh từ mặt đất, cho nên đất có ý nghĩa là có thể duy trì, nuôi dưỡng, chuyên chở, sinh sản. Phật dùng cái này để ví dụ cho tâm địa của chúng ta. Tâm địa của chúng ta thật sự là có đủ ý nghĩa này, dùng Phật pháp để nói có nghĩa là trụ trì, sinh trưởng, gánh vác. Trụ, tất cả vạn pháp đều từ chân tánh mà trụ, tất cả vạn pháp đều từ chân tánh mà sanh. Ở trong “**Kinh Hoa Nghiêm**” nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Chỗ trụ của chư Phật Như-lai là Nhất Chân Pháp Giới, chỗ trụ của chúng sanh chín pháp giới là thập pháp giới. Y Chánh trang nghiêm đều là từ trong tánh địa biến hiện ra. Tánh là năng biến. Vạn pháp là sở biến. Ở trong tự tánh vốn dĩ có đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, mọi thứ vô lượng vốn dĩ đầy đủ.

Phật pháp dạy học, mục đích là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh. Tại sao lấy đó làm mục tiêu vậy? Sau khi minh tâm kiến tánh thì tự nhiên vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Và lại, sự việc này là nhất định thực hiện được, nhất định có thể làm đến được. Tại vì sao khẳng định như vậy? Bởi vì mỗi người đều có chân tánh. Chân tánh không phải đến từ bên ngoài, đến từ bên ngoài thì chưa chắc có thể làm được. Tự tánh vốn đầy đủ thì đâu có lý nào không thể làm được chứ? Vấn đề chỉ cần chúng ta có thể khôi phục tự tánh. Thực ra tự tánh đâu có cần khôi phục. Ngày nay ở trên tánh đức của chúng ta có chướng ngại, chỉ cần đem cái chướng ngại này bỏ đi, thì tự nhiên tánh đức hiện tiền ngay, gọi là xua tan mây mù thì ánh mặt trời liền chiếu sáng. Ánh mặt trời ví dụ cho tánh đức của chúng ta, mây mù ví dụ cho chướng ngại. Chướng ngại là giả, ánh mặt trời là thật. Lìa vọng rồi thì chân liền hiện tiền ngay, cho nên chân tánh không cần phải cầu, bạn cầu đó chính là hư vọng. Lìa vọng rồi chính là chân.

Phật nói với chúng ta, trong chân tâm có đầy đủ ba đức.

**Thứ nhất là “Pháp thân”.** Pháp thân là chân thân của chúng ta, là bất sanh bất diệt, không đến không đi, không như không sạch, ở trong Thiên Tông nói là: *“Mắt mũi xưa nay trước khi cha mẹ chưa sanh”*, chính là cái này. Đáng tiếc, chúng ta từ vô thủy đến nay khởi tâm động niệm, vọng tưởng chấp trước, làm chướng ngại đức dụng quang minh của tự tánh chúng ta. Hiện tại, tác dụng này đã bị hao tổn rất lớn rồi. Tác dụng 100% nhưng chúng ta hiện nay có thể cảm nhận chưa đến được 1%, 99% đức dụng không thể hiện tiền được. Bạn nói đây không phải đáng tiếc hay sao! Tại sao lại có hiện tượng này? Mê mất rồi. Không biết là mình vốn dĩ đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Mê mất rồi, mê quá lâu, mê quá sâu, mê quá rộng rồi. Phật nhìn thấy chúng ta mới sanh tâm thương xót, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta khôi phục. Cho nên việc này cần phải chú trọng ở tu hành. *Nhân tu vạn hạnh, quả viên vạn đức.*

Phương pháp tu hành cũng là vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên phương pháp, có pháp thuận tiện, cũng có pháp không thuận tiện, Phật đều nói cả. Cho nên Phật vì chúng sanh diễn thuyết vô lượng pháp môn. Trong Tứ hoằng thệ nguyện nói là: *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*. Tại vì sao Phật phải nói vô lượng pháp môn vậy? Do căn tánh chúng sanh không giống nhau. Căn tánh của chúng sanh cũng vô lượng vô biên. Thuận theo căn tánh chúng sanh mà dạy học, thì học tập sẽ dễ dàng thành tựu. Nếu như không thuận căn tánh chúng sanh, thì việc tu học của họ sẽ cảm thấy khó khăn. Mà ở trong tất cả pháp môn, thuận tiện nhất, vững chắc nhất, dễ dàng nhất, không có gì bằng pháp môn niệm Phật. Phật ở trên Kinh này chính là dạy chúng ta niệm Phật, chí tâm xưng danh, bạn xem cùng với trong "Kinh Vô Lượng Thọ" nói: *“Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”* là cùng một đạo lý, là cùng một sự việc. Nếu như chúng ta không thể tiếp nhận pháp môn này, nghi hoặc pháp môn này, Phật lại mở ra cho chúng ta pháp môn phương tiện khác. Đây thật sự là Phật dạy người pháp môn đứng đầu.

Tại vì sao nói pháp môn này là pháp môn đứng đầu vậy? Nếu như chúng ta quan sát thật kỹ, Phật ở trên Kinh nói với chúng ta nguyên lý nguyên tắc căn bản thì có thể nghĩ thông ngay, là có thể thể hội được ngay. Phật nói cho chúng ta biết, tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tám chữ này là căn bản, đã nói tột cùng tất cả mọi đạo lý của vạn sự vạn pháp ở trong vũ trụ. Lại nói rõ ràng với chúng ta: *“Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”*. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh chính là giải thích *duy thức sở hiện*. Tâm có thể hiện tượng.

Ở trong tướng sanh ra biến đổi là do tác dụng của tâm. Cái tâm này chính là thức, thức tâm, tức là chúng ta gọi là ý nghĩ. Chúng ta hiểu nguyên tắc này, thì Phật nói niệm Phật, chúng ta liền hiểu ngay, chúng ta liền đồng ý. Vì sao vậy? Niệm Phật thì làm Phật, là gọn gàng thẳng tắt. Tại vì sao đi niệm A-la-hán chứng A-la-hán, sau đó niệm Bồ-tát để thành Bồ-tát, sau cùng lại niệm Phật thành Phật, vậy chẳng phải rườm rà sao? Đi lòng vòng quanh co! Tại vì sao bạn không thẳng tắt mà niệm Phật chứ? Mà trong Phật (đây là Thế Tôn ở trong Kinh luận nói cho chúng ta biết), A-Di-Đà Phật là ánh sáng tôn quý nhất trong các ánh sáng, vua trong các Phật (Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương). Trong toàn bộ tất cả chư Phật, A-Di-Đà Phật là đứng đầu. Niệm A-Di-Đà Phật thì làm Phật A-Di-Đà, niệm A-Di-Đà Phật thì thành A-Di-Đà Phật, việc gì phải niệm Phật khác nữa chứ? Phật khác so sánh với A-Di-Đà Phật đều thấp hơn một bậc, tại sao không trực tiếp niệm A-Di-Đà Phật rất viên mãn chứ? Chúng ta thông qua những đạo lý này, mới khẳng định niệm A-Di-Đà Phật là đứng đầu. Thật sự sáng tỏ, thật sự hiểu được rồi, thì ở trong tâm niệm niệm đều là A-Di-Đà Phật, đó mới là người niệm Phật chân thật.

Đạo của pháp môn niệm Phật, đạo gồm có giới. Toàn bộ giới luật thầy đều viên mãn đầy đủ, bạn không phạm giới, không phá giới. Đạo gồm có giới. Đặc thiên định là định gồm có giới. Định gồm có giới không bằng đạo gồm có giới. Ở trong đạo gồm có giới không bằng ở trong niệm Phật có đầy đủ giới luật viên mãn, giới luật thanh tịnh, đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A-Di-Đà Phật, đây mới là đại viên mãn chân thật. Cho nên ở trong pháp môn này, Phật dạy chúng ta chí tâm xưng niệm, tụng niệm. Tụng niệm chính là đọc tụng Đại thừa. Ở trong đọc tụng Kinh Đại thừa thì lấy "Kinh Vô Lượng Thọ" làm hàng đầu. Trong khi giảng giải, chúng tôi đã từng phân tích với mọi người (việc phân tích này chúng tôi không có năng lực, là do cổ đại đức thời đại Tùy Đường nói với chúng ta), tất cả Kinh cuối cùng đều quy về "Hoa Nghiêm", "Hoa Nghiêm" quy về "Kinh Vô Lượng Thọ", "Kinh Vô Lượng Thọ" quy về 48 nguyện, 48 nguyện quy về nguyện thứ 18.

Hiện nay có người đề xướng bốn nguyện niệm Phật. Ở trong bốn nguyện đặc biệt chú trọng ở nguyện thứ 18. Hoàn toàn dựa theo nguyện thứ 18 niệm Phật, có thể vãng sanh hay không? Quả thật tuân theo quyết định được sanh. Chỉ là đề xướng lâm chung 10 niệm, một niệm đều có thể vãng sanh, bình thường có thể không cần giữ giới luật, có thể làm ẩu làm càn, có thể tạo tác tội nghiệp, đến lúc lâm chung

niệm Phật vẫn có thể vãng sanh. Lời này nói không sai, thế nhưng lâm chung bạn có nắm chắc niệm Phật được không? Bạn quan sát thật kỹ một số người lâm chung, đầu óc có tỉnh táo không? Nếu như lúc lâm chung là mơ mơ hồ hồ, người khác giúp họ niệm, họ cũng không thể nghe vào được, lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, Phật hiệu không thể nghe được, thậm chí là nghe Phật hiệu còn sanh phiền não. Đích thân tôi đã nhìn thấy loại người này, cả đời niệm Phật đến nhưng lúc sắp mạng chung không niệm Phật nữa, tham sống sợ chết, không thể buông xả. Bốn nguyện nói ở trên lý không có vấn đề nhưng nói ở trên sự thì quá khó, quá khó. Đó là thiện căn, phước đức, nhân duyên như thế nào, chúng ta phải biết rõ.

Cổ đại đức thật sự là từ bi đến cực điểm, vì chúng ta phân tích rất rõ ràng, rất tường tận. Khuyến khích chúng ta không được phép giữ cái tâm cầu may, nhất định phải đứng vững trên thực tế, chăm chỉ nỗ lực tu học, lâm chung mới có phần nắm chắc. Người cầu may, cuối cùng nhất định sẽ hụt hẫng. Cho nên đề xướng bốn nguyện, không cần phải tu giới hạnh, đây là đi đường nguy hiểm. Những luận điệu này nhìn bề ngoài giống như là có đạo lý, Phật nói ở trên Kinh là như vậy, nhưng khi bạn phân tích thật kỹ thì không có đạo lý, họ hoàn toàn hiểu sai, xuyên tạc ý của Phật rồi. Cho nên “nguyện giải Như-lai chân thật nghĩa”, đâu có dễ dàng như vậy chứ.

Năm xưa Thế Tôn còn tại thế, nhất định là nhiều lần tuyên giảng "Kinh Vô Lượng Thọ". Mỗi lần tuyên giảng pháp môn này, thính chúng khác nhau. Trên Kinh có ghi chép thường tùy chúng. Thường tùy chúng nhiều người như vậy. Ngoài thường tùy chúng ra, thính chúng tham dự pháp hội thông thường cũng khác nhau. Cho nên Phật giới thiệu về Tịnh Tông, giới thiệu về thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng có tường tận, sơ lược khác nhau. Cho nên sau này kết tập Kinh điển, nội dung Kinh điển chênh lệch nhau rất lớn. Điều khác nhau rõ rệt nhất, hiện nay chúng ta thấy 48 nguyện ở trong 5 loại bản dịch gốc, có cái trong Kinh điển là 24 nguyện, có cái trong một số Kinh điển là 48 nguyện, còn có cái trong Kinh điển là 36 nguyện, đây là sự khác biệt rõ rệt nhất. Nếu như là Phật chỉ giảng một lần, người phiên dịch, bất kể người nào phiên dịch, con số này nhất định là giống nhau, không thể có sự khác biệt lớn như vậy được. Từ chỗ này chứng minh, Phật nhiều lần tuyên giảng. Chúng ta đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn nhận thức rõ ràng thật viên mãn thì cần phải đem những Kinh điển mà Phật nhiều lần giới thiệu thấy đều phải đọc qua.



Vào thời xưa, Kinh Phật đều là bản chép tay, lượng lưu thông rất ít. Một người ở trong một đời có thể xem được năm loại bản dịch gốc này là đại phước báo, đại nhân duyên rồi. Vào thời Triều Tống có cư sĩ Vương Long Thư, người này phước báo rất lớn, đương nhiên cũng được Phật lực gia trì, ông chỉ xem được bốn loại trong năm loại bản dịch. “Kinh Đại Bảo Tích” mà triều Đường phiên dịch, cư sĩ Vương Long Thư chưa có xem được. Cho nên hội Vô Lượng Thọ ở trong “Kinh Đại Bảo Tích”, ở trong bộ phận này có một số câu văn rất quan trọng mà ở trong bốn loại bản dịch khác không có. Cư sĩ Vương Long Thư cũng quả thật là rất tuyệt vời, biết người bình thường rất khó có cơ duyên xem được nhiều bản dịch như vậy, cho nên ông bắt đầu làm bản hội tập. Bản Hội Tập là tập đại thành của các bản dịch gốc, đem những gì mà Phật nói trong các loại bản dịch có thể hội tập lại. Xem được một bản này thì cũng như đều xem được hết thấy các loại bản khác. Đây là việc tốt, đại từ đại bi. Bản của ông được đưa vào trong "Đại Tạng Kinh". Được đưa vào Đại Tạng Kinh cũng chính là nói những đại đức xưa nay trong cửa Phật chúng ta đều thừa nhận, đều khẳng định cách làm này là chính xác, không có sai lầm. Bản này của Vương Long Thư lưu truyền đến hậu thế. Đại sư Liên Trì chú giải “Kinh Di Đà Sớ Sao”, trong đó có trích dẫn Kinh văn của "Kinh Vô Lượng Thọ", đại đa số đều lựa chọn bản hội tập của Vương Long Thư. Đây là nhận được sự khẳng định của Đại sư Liên Trì.

Về sau có bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm. Bản của ông Vương cùng với bản của ông Ngụy quả thật là có khuyết điểm nhỏ, khuyết điểm nhỏ này chính là không khéo lấy bỏ, chưa thật ôn hòa tốt đẹp, họ đã chỉnh sửa văn tự của bản dịch gốc. Đối với họ mà nói, việc chỉnh sửa này là không có vấn đề, thật sự dùng câu từ còn hay hơn so với bản dịch gốc, thế nhưng Đại sư Ấn Quang không tán thành. Không tán thành là có đạo lý của Ngài, sợ người sau này sẽ sửa đổi Kinh văn một cách tùy tiện; khởi đầu này của họ sẽ mở ra tiền lệ, dẫn tới người đời sau tùy tiện sửa Kinh văn, Kinh điển này truyền đến sau này sẽ hoàn toàn khác hẳn đi, cho nên nhất định không được mở ra cái tiền lệ này. Ấn Tổ phản đối là hai điểm này: Một là lấy bỏ không thỏa đáng, một là sửa đổi Kinh văn, chứ không phải nói đến không được hội tập.

Đến đầu năm Dân Quốc, bản của Hạ Liên Cư xuất hiện. Bản này thật sự là bản hoàn thiện, nhưng có một số người chấp trước thành kiến, phản đối bản này. Phản đối bản này thì phải đề xướng đọc năm loại bản dịch gốc. Nếu như nói phản đối

bản này, ở trong năm loại bản dịch gốc, đề xướng một loại bản, chẳng phải là một số Kinh văn quan trọng ở trong bốn loại bản còn lại, bạn vẫn không đọc được sao. Mục đích của đọc tụng Đại thừa là phá nghi sanh tín, là xây dựng tín tâm. Cái này đều là chấp thiên lậu, là thấy lệch, thấy cạn, kiến thức nông cạn hẹp hòi, là chấp trước những thứ này. Đây là sai lầm. Lại nói lão cư sĩ Hạ là cư sĩ. Cư sĩ không có tư cách để hội tập Kinh Tạng. Vương Long Thư là cư sĩ, Bành Tế Thanh cũng là cư sĩ, Ngụy Nguyên cũng là cư sĩ. Đại sư Liên Trì là người xuất gia, là tổ sư Tịnh Độ Tông. Đại sư Liên Trì có thể chọn bản của Vương Long Thư. Đại sư Liên Trì không có nói Vương Long Thư là cư sĩ tại gia, không có tư cách hội tập. Nếu như nói là người tại gia không thể làm sự việc này, nhất định phải là người xuất gia làm, thì Phật pháp này đã mất đi tính bình đẳng rồi. Hay nói cách khác, quyết định không thể vãng sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp bình đẳng. Đề Kinh là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Tâm của bạn không thanh tịnh, không bình đẳng, một ngày niệm 10 vạn tiếng Phật hiệu cũng không thể vãng sanh. Tâm tịnh thì quốc độ tịnh, tâm bình thì quốc độ bình. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là quốc độ thanh tịnh, bình đẳng. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Lão cư sĩ Hạ không phải người bình thường. Sau khi bản hội tập của ông ra đời, rất đáng tiếc là Đại sư Ấn Quang đã vãng sanh rồi, Ấn Tổ chưa xem được bản này. Tôi tin rằng, Ấn Tổ nếu xem thấy bản này, nhất định tán thán, nhất định tán thành. Vì sao vậy? Vì những lỗi lầm của bản hội tập trước đây, ông đều sửa trở lại. Bản này đối với nguyên văn, một chữ cũng không có sửa đổi, đồng thời lấy bỏ thỏa đáng. Đương thời có Lão Hòa thượng Tuệ Minh khẳng định. Lúc đó đại đức Luật Tông - Lão Hòa thượng Từ Châu cũng khẳng định. Lão Hòa thượng Từ Châu chọn lấy bản đó giảng ở Tế Nam. Đại đức tại gia, lão cư sĩ Mai Quang Hy dùng bản của ông giảng trên đài phát thanh trung ương. Bản này ngày nay lưu thông trên toàn thế giới, phù hợp với lời tiên tri lúc lâm chung của lão cư sĩ. Ông nói với học trò, bản hội tập của ông tương lai là từ hải ngoại truyền đến Trung Quốc. Lời nói này đã thành hiện thực rồi. Đương thời mọi người hoài nghi, hiện nay khẳng định rồi, quả nhiên như vậy. Ông lại nói, Kinh này sẽ truyền khắp toàn thế giới. Cho nên bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ hoàn toàn tương ứng với những gì mà ông tiên đoán. Chúng ta nhất định phải có niềm tin kiên định, nhất định không hoài nghi, y giáo phụng hành, phải thường xuyên đọc tụng. Phật ở trên Kinh dạy chúng ta làm thì chúng ta nghiêm túc nỗ lực làm cho được, Phật dạy chúng ta không được phép làm

thì chúng ta nhất định tuân thủ, như vậy chúng ta đời này niệm Phật phát nguyện vãng sanh mới có thể thành tựu. Chúng ta cần tin theo lời Phật.

Bản hội tập của lão cư sĩ Hạ, từng câu từng chữ đều là nguyên văn trong năm loại bản dịch gốc. Nếu như quý vị có nghi hoặc, quý vị có thể đem năm loại bản dịch gốc ra đối chiếu lại để xem. Trước đây tôi đã từng xem qua, đề mục của bản này tên là “Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản”, trong đó có năm bản dịch gốc, có bốn bản **hội hiệu** (hội tập hiệu đính), tổng cộng chín loại bản của "Kinh Vô Lượng Thọ" đều in vào trong đó, mọi người có thể đối chiếu. "Kinh A Di Đà" có ba loại bản dịch. Ba loại bản này là bản dịch của Đại sư La-Thập, bản dịch của Đại sư Huyền Trang và bản hội tập của lão cư sĩ Hạ, thấy đều in chung với nhau. Mục đích in ra bản này chẳng qua là kiên định tín tâm của các đồng tu, không thể dễ dàng bị người ta làm dao động, làm hỏng đi đại sự nhân duyên trong đời này của chúng ta, thế thì quá đáng tiếc rồi. Chúng ta nhất định phải biết đọc tụng Đại thừa, quy y "Kinh Vô Lượng Thọ", cung kính A-Di-Đà Phật, biết chăm chỉ tu pháp cúng dường.

Trong các buổi giảng, chúng tôi đã báo cáo tỉ mỉ với quý vị rồi, cúng dường như thế nào vậy? Cúng dường Như-lai, cúng dường chúng sanh, Như Giáo Tu Hành cúng dường là chân thật cúng dường. Loại cúng dường này chính là đích thực cúng dường Địa Tạng Bồ-tát ma-ha-tát. Chúng ta tổng kết ý nghĩa ở trong Kinh này. Nếu như chúng ta thật sự có thể chí tâm xưng danh, đọc tụng Đại thừa, quy y cung kính cúng dường, công đức của chúng ta không thể đo lường; chúng ta chắc chắn được chư Phật Như-lai, chư đại Bồ-tát, không chỉ là Bồ-tát Địa Tạng, mà Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, oai thần của những đại Bồ-tát này gia trì, nhất định đạt được quả báo bất khả tư nghì. Phật ở trên Kinh này nói với chúng ta, Bồ-tát Địa Tạng trong thời quá khứ vô thủy kiếp đến nay dùng vô lượng vô biên hóa thân phóng quang thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, thường trụ pháp giới u minh.

Pháp giới u minh là như thế nào, chúng ta làm sao để học tập? Chúng ta có phải là chui vào trong địa ngục hay không? Nhất định phải hiểu được nghĩa thú mang tính tiêu biểu pháp của từng câu từng chữ trong Kinh văn. Ý nghĩa của pháp giới U Minh chính là nói, chúng ta hạ thấp tư thế, làm thiện không cần để cho người khác biết, không cần biểu dương, cái này chính là pháp giới u minh. Làm một cách thâm lặng, chăm chỉ nỗ lực làm, xả ly tất cả danh vọng lợi dưỡng, chính là pháp giới u

minh, thành tựu công đức chân thật của mình, mỗi niệm đều là lợi ích chúng sanh trong lục đạo. Ở trên Kinh này nói với chúng ta, mỗi quan hệ của chúng ta với chư Phật Bồ-tát, mỗi quan hệ của chúng ta với chúng sanh lục đạo, phàm phu không biết. Chân thật như cái gọi là ý mạnh hiếp yếu, tàn hại tất cả chúng sanh. Những chúng sanh này cũng đều là phàm phu, cũng đều là mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo thì tâm trả thù của họ không bị tiêu mất. Bạn làm tổn thương họ, cái tâm oán hận đó của họ vĩnh viễn hàm chứa ở trong A-lại-da thức. Khi có cơ hội thì họ làm sao không trả thù được chứ? Loại trả thù này chính là tai nạn trên thế giới ngày nay, là tai nạn lớn, Phật ở trong Kinh nói đao binh kiếp. Đao binh kiếp sau này chính là chiến tranh hạt nhân. Nhân của kiếp đao binh là gì vậy? Là ăn thịt chúng sanh. Phật nói rất rõ ràng, nếu muốn tránh khỏi kiếp đao binh của thế gian, trừ khi chúng sanh không ăn thịt, đao binh kiếp này mới có thể hóa giải. Khi còn trẻ chúng ta không biết, không ăn nó thì cũng giết hại nó. Kiến, chúng ta nhìn thấy rất nhiều người, bản thân họ cũng tạo qua tội nghiệp này. Kiến bò vào nhà, không thích, bồng chóc nấu một nồi nước sôi tưới cho nó chết. Chúng ta nhìn thấy rất nhiều người làm như vậy, chúng ta cũng đã từng làm qua rồi. Mặc tình giết hại những động vật nhỏ này. Trước đây do không biết, vậy mới biết mình đã phạm qua lỗi lầm nghiêm trọng này. Phật dạy chúng ta phải phát lồ sám hối. Chúng ta ngày nay hiểu rõ rồi, biết được mình đã làm việc sai, chăm chỉ tu hành, mỗi ngày tụng niệm, cúng dường, tu học, tất cả công đức đều hồi hướng cho những oan gia trái chủ này (công đức này chính mình chúng ta không dám hưởng thụ), hy vọng hóa giải hết thảy những oan kết này, như vậy ở trên đạo Bồ đề chúng ta mới thuận buồm xuôi gió, không có chướng ngại. Nếu không thì thường hay nói rằng nghiệp chướng hiện tiền. Nghiệp chướng của bạn tại vì sao không hiện tiền được chứ? Vì những chúng sanh này đã bị bạn giết hại, làm sao có thể dễ dàng tha thứ cho bạn được! Không thể nào! Vì vậy chúng ta nên học Bồ-tát Địa Tạng, dùng tâm chân thật giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, giúp đỡ họ lìa khổ được vui.

Tâm phải giống như mặt đất vậy, tất cả pháp, tất cả chúng sanh nương vào đó mà sống, sinh trưởng, gánh vác. Cho nên trên Kinh nói: “*Tâm như đại địa, năng an nhất thiết*” (tạm dịch: Tâm như mặt đất, có thể đem lại bình an cho tất cả). Đây ví dụ đất là tâm, là thức. Chúng ta ngày nay nhìn thấy mặt đất, chân bước lên mặt đất phải biết hồi quang phản chiếu, đất là tâm địa của chúng ta. Tâm địa bình đẳng, chuyên chở các pháp, chuyên chở tất cả chúng sanh. Người bạn ưa thích, yêu

thương cũng ở trên mảnh đất này; người bạn ghét, oán hận cũng ở trên mảnh đất này. Đất không phân thân sơ, không có yêu ghét, chúng ta nên học mặt đất. Tâm địa chúng ta vốn dĩ là giống như mặt đất vậy, nhưng hiện nay ở trong đó khởi tâm động niệm, phân biệt yêu ghét, phân biệt tốt xấu, đây là sai lầm. Đất không có phân biệt, hay nói cách khác, chân tâm không có phân biệt mà là vọng tâm đang phân biệt, vọng tâm là sai lầm. Biết vọng tâm đang phân biệt thì biết là tâm chúng sanh, biết đất không phân biệt thì biết là chân tâm, cho nên lập luận của bản Kinh chính là chân tâm và vọng tâm.

Đây là nói một chữ “Địa” này.

Chữ thứ hai là “**Tạng**”. Ý nghĩa của tạng là cất giữ, tàng chứa. Người thế gian chúng ta nói là nhà kho, kho báu. Người thế gian thì những đồ châu báu đều phải cất giữ cho thật kỹ, những cửa cái này có thể bảo vệ họ sống an toàn. Nếu như bản thân bị mất đi của cải, họ sẽ cảm thấy sợ hãi, cuộc sống không được bảo vệ. Cho nên người thế gian, người nào cũng hy vọng cất giữ những đồ châu báu này, những của cải này. Phật dùng cái này để ví dụ, ở trong tự tánh chúng ta có kho báu. “Tam đức bí tạng”. Ở trong chân tâm tự tánh chúng ta có “Pháp thân”. Pháp thân là cái thân chân thật. Ở trong Tông Môn nói là: “*Mặt mũi xưa nay trước khi cha mẹ chưa sanh ra*”. Mặt mũi xưa nay là pháp thân, bất sanh bất diệt, không đến không đi, không dơ không sạch.

**Thứ hai là “Bát nhã”**. Bát nhã là trí huệ. Trí huệ cứu cánh viên mãn là ở trong tự tánh chúng ta vốn dĩ đầy đủ, không phải đến từ bên ngoài. Vô lượng vô biên trí huệ, thế giới này, nơi chốn kia, quá khứ, vị lai, không có cái gì không biết. Cái sở tri này (cái bị “được” biết này), sở tri hiện nay không biết, không biết liền biến thành có chướng ngại rồi. Sở tri là cái vốn có. Hiện nay có cái làm chướng ngại sở tri của chúng ta, đây gọi là sở tri chướng. Sở tri chướng với phiền não chướng, dụng ý của hai cách gọi này khác nhau. Phiền não chính là chướng ngại. Sở tri không phải chướng ngại. Cái chướng ngại sở tri đó gọi là sở tri chướng. Nếu như chúng ta từ trên danh tướng Phật pháp mà nói vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; thì chấp trước là phiền não chướng, hoàn toàn là phiền não; trong phân biệt có một phần là phiền não, một phần là sở tri chướng; trong vọng tưởng hoàn toàn là sở tri chướng.

Có người hỏi, vô minh từ đâu mà có? Vô minh có như thế nào? Thực ra Thích Ca Mâu Ni Phật ở trên hội Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, rất thấu triệt rồi. Người đọc

"Kinh Lăng Nghiêm" cũng qua loa sơ ý cứ như vậy cho qua, cầu thả cho qua. Phật nói rất rõ ràng: *"Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn"*. Sao gọi là tri kiến? Tri kiến chính là sở tri. Sở tri chính là trí huệ Bát nhã. Bạn ở trong sở tri còn lập thêm một cái biết nữa thì sai rồi, trên đầu lại gắn thêm cái đầu. Đó chính là gốc rễ của vô minh. Bạn không nên ở trên sở tri lại lập thêm một cái tri (biết) nữa, thì trí huệ của bạn hiện tiền ngay. Bạn cứ muốn lập một cái tri (biết) nữa, thế thì có cách gì bây giờ chứ! Chúng tôi nêu ra một ví dụ để nói, cái này các bạn nhìn thấy rõ ràng rồi. Chúng tôi dùng cái này ví dụ, mọi người nhìn thấy rất rõ ràng, rất sáng tỏ. Đây là sở tri, đây là tri kiến. Vẫn cứ nói trên tay pháp sư cầm một cuốn sách thì xong rồi, lập tức rơi vào vô minh. Cái thứ này gọi là sách sao? Cái thứ này gọi là tay sao? Tay là do bạn lập nên, sách là do bạn lập nên. Nếu bạn lập nên cái này gọi là sách, cái này gọi là tay thì bạn xong rồi! Đây chính là vô minh.

Phật pháp khi chưa đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng rất thông minh, Lão Tử đã biết: *"Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo, phi thường đạo"* (tạm dịch: *Giả danh mà có thể cho là Thực danh thì đâu phải là thường danh. Đạo hữu vi mà có thể cho là Đạo thực thì không phải Đạo thường (Tên có thể gọi là tên thì không là tên vĩnh viễn. Đạo có thể coi là đạo thì không là đạo vĩnh viễn)*). Bạn nói cái tên là đã sai rồi. Đó là ý của bản thân bạn, không phải chân tướng sự thật. Cho nên bạn ở trên tri kiến lập tri, bạn liền rơi vào vô minh, là bạn đã khởi vọng tưởng. Ở trong vọng tưởng lại có phân biệt, lại có chấp trước, một lô những thứ phiền phức liên tiếp kéo đến rồi.

Phật thuyết pháp cho chúng ta, Phật nói "tôi" mà không chấp trước "cái tôi". Cái này cao minh. Lục Tổ hỏi Vĩnh Gia: *"Ông có còn phân biệt không?"*. Vĩnh Gia đáp rất hay: *"Phân biệt cũng chẳng phải ý"*. Tôi phân biệt chính là không có phân biệt. Ở trong tâm thật sự không có phân biệt, rất sạch sẽ. Phân biệt là gì vậy? Vì đại chúng mà phân biệt. Cho nên, nói chính là không nói, không nói chính là nói. Nếu bạn nói là nói, bạn không hiểu được ý nghĩa "không nói" này, bạn không hiểu được ý của Phật. Nếu như nói cùng với không nói phân thành hai thứ thì nói cũng sai, không nói cũng sai rồi. Nói là gì vậy? Phân biệt, chấp trước; không nói là vô minh; đều rơi vào hai bên rồi. Nên biết, nói với không nói là một không phải hai. Nói tức không nói, nghe tức không nghe. Cái này bạn thông rồi, chương ngại này đều không còn nữa. Trên phương diện này bạn có thể thể hội được, thì chân tướng của

vũ trụ nhân sanh liền được phơi bày rồi, chân thật bạn đã vào pháp môn không hai rồi (bất nhị pháp môn).

Người thế gian đáng thương là sống ở trong tương đối. Tương đối chính là hai, lại đối lập rồi. Bạn nói lớn thì đối lập với cái nhỏ, nói không bên kia liền có cái có, luôn luôn ở trong tương đối. Nói tôi, thì đối lại với người. Khi nào bạn có thể bỗng chốc giác ngộ được ta với người không hai, có với không là không hai, tánh với tướng không hai, lý với sự không hai, sự với sự cũng không hai, bạn mới nhập Phật pháp, bạn mới hiểu được Phật pháp. Cho nên cái khó của Phật pháp ở chỗ nào vậy? Là khó ở chỗ này. Khó ở chỗ nào vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn không thể buông xả được. Chỉ cần không buông xả, thì bạn không vào cửa Đại thừa được rồi, Đại thừa không có phần của bạn, bạn tu học Đại thừa là tu học một loại thường thức ngoài da mà thôi. Đại thừa chân thật là như thế nào, bạn hoàn toàn không thể thể hội được. Đây là nói Bát nhã với bạn.

Còn có một cái bí tạng. Bí là bí mật. Tạng là hàm chứa ở trong tự tánh.

**Thứ ba là “giải thoát”.** Giải thoát chính là đại tự tại. Chính là ở trong “Hoa Nghiêm” nói là sự sự vô ngại, đều là vốn có ở trong tự tánh, vốn dĩ đầy đủ. Đây là ý nghĩa của tạng.

Cái này gọi là tam đức. Tam đức ở trong tự tánh. Tại vì sao gọi là bí tạng vậy? Bí là giống như rất bí mật. Phạm phu thông thường không thể phát hiện được, sáu căn không thể tiếp xúc được. Không thể phát hiện là giống như rất là bí mật, là giống như cát ở chỗ đó, cát không bị người ta phát hiện ra. Hay nói cách khác là chúng sanh không thể hiểu rõ, không thể lý giải thì gọi là bí mật. Và bên trong tâm tánh quả thật là bao hàm vô lượng vô biên tất cả pháp. Ở trong bản tánh vốn dĩ đầy đủ, dùng không hết. Đây là ý nghĩa của tạng. Là giống như mỏ vàng trong thế gian chúng ta vậy. Ở trong cái mỏ vàng này hàm chứa vô số vàng, bạn lấy bạn dùng lấy mãi không hết, dùng mãi không cạn. Nhưng mà mỏ vàng này ở chỗ nào bạn không biết, bạn không rõ, thế là biến thành bí mật rồi. Phật dùng cái này để ví dụ tâm địa của chúng ta, kho báu tâm địa của chúng ta. Sự cất chứa của đất so với sự cất chứa của tâm địa thì kém rất xa. Kho báu cất chứa trong tâm địa chúng ta là tận hư không khắp pháp giới. Phật pháp của tất cả chư Phật, thế pháp vô lượng của tất cả chúng sanh đều cất chứa ở trong đó. Chỉ cần bạn phát hiện kho báu tâm địa này, xin thưa với quý vị, pháp thế gian, pháp xuất thế gian thấy đều thông đạt, thấy đều

không có chướng ngại rồi. Phật pháp dạy học là để phát hiện kho báu của tự tánh. Kho báu tự tánh phải dùng cái gì để mở vậy? Công cụ đó nhất định phải xứng tánh. Bạn không dùng công cụ xứng tánh thì không có cách gì bạn phát hiện kho báu của tự tánh được.

**Công cụ xứng tánh là gì vậy? Chính là Hiếu và Kính.** Cho nên Kinh “Địa Tạng” gọi là hiếu Kinh của nhà Phật. Dùng cách nói hiện nay để nói "Kinh Địa Tạng" chính là hiếu đạo và sư đạo. Hiếu thân tôn sư thì có thể phát hiện kho báu của tự tánh. Nếu như bạn không thể hiếu thân, không thể tôn sư, thì bạn vĩnh viễn ở ngoài cửa Phật pháp, hay nói cách khác, bạn học Tiểu thừa biết đâu có thể có một chút xú thành tựu, còn học Đại thừa thì không có phần rồi. Đại thừa là khai phát tự tánh, khác với Tiểu thừa; Tiểu thừa là ở trên sự tướng, hay nói cách khác, nó vẫn là pháp thế gian. Ở trong Tiểu thừa, pháp xuất thế bạn cũng không thể đạt được. Hay nói cách khác, mặc dù bạn tu học Tiểu thừa, bạn cũng chỉ có thể dừng lại ở cảnh giới sơ quả, nhị quả này; tứ quả là không thể chứng được. Nếu muốn chứng được tứ quả Tiểu thừa, quả vị cao nhất của Tiểu thừa vẫn là phải hiếu thân tôn sư. Đây là chân lý. Mười phương ba đời toàn bộ tất cả chư Phật Như-lai cũng không có ngoại lệ nào. Bạn xem Thế Tôn nói ở trong Tam Phước của “Quán Kinh”, ba loại tịnh nghiệp này là tịnh nghiệp chánh nhân của ba đời chư Phật. Lời nói này nói rõ ràng biết bao, sáng tỏ biết bao! Chúng ta nghe thấy rồi, quý vị đồng tu đều có thể nhớ được, cũng đều nói được, nhưng chỉ là không chịu làm, thế thì vô phương rồi. Một ngày nói một ngàn lần, nói một vạn lần cũng không có tác dụng, đó là ăn bánh vẽ, có tác dụng gì chứ? Nhất định phải tự mình chăm chỉ làm đến được. Dem tâm hiếu thuận cha mẹ mở rộng ra là hiếu thuận tất cả chúng sanh. Chư Phật Như-lai quả thật là tu như vậy. Tất cả chúng sanh chính là cha mẹ của chính chúng ta, không phải là người khác. Tất cả chúng sanh chính là thầy của chúng ta. Đọc Kinh “Hoa Nghiêm” rồi, bạn cần phải tin. Không những hết thảy mọi người là thầy, hôm qua chúng tôi nói về cây, cây cối, hoa cỏ, có cái nào không phải là thầy chứ? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chân thật là một hạt vi trần, một lỗ chân lông, chúng ta chạm mắt đều có thể tỉnh ngộ, đó chính là thầy. Hôm qua nhìn thấy cây: Hạt là tín tâm, rễ là từ bi, thân là trí huệ, cành lá là ngũ độ, cành nhánh là ngũ độ, mọi lúc mọi nơi chỉ cần nhìn thấy rồi, trong tâm đều khai trí huệ. Đúng như lời Đại sư Huệ Năng nói (Huệ Năng gặp Ngũ Tổ, nói với Ngũ Tổ): “*Trong tâm đệ tử thường sanh*



*trí huệ*”. Ngài sao mà không thường sanh trí huệ được chứ! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài đều khai ngộ, đây chính là thường sanh trí huệ.

Chúng ta ngày nay sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài thường sanh phiền não. Nếu thuận theo ý của mình thì khởi tham ái (tham ái là phiền não), không hợp với ý của mình thì chán ghét (chán ghét sanh phiền não). Người ta sáu căn nhìn cảnh giới sáu trần sanh trí huệ, không sanh phiền não. Đây chính là phàm Thánh không như nhau, khởi tu đều khác nhau. Cho nên Phật ở trong Kinh nói với chúng ta, khẳng định tự tánh chúng ta vốn dĩ đầy đủ muôn pháp, có đủ tất cả các pháp, cái này là bảo. Giống như ở trong đất, hàm chứa những kho báu khoáng vật này. Kho báu hàm chứa trong đất có thể dùng hết. Kho báu hàm chứa trong tâm tánh chúng ta dùng không hết. Tại vì sao không biết khai phá chứ? Bốn vị Bồ-tát lớn này chính là bốn pháp môn khai phá kho báu của tự tánh. Bốn pháp môn này phải dùng đồng thời. Bồ-tát Địa Tạng hiểu kính, Bồ-tát Quan Âm từ bi, Bồ-tát Văn Thù trí huệ, Bồ-tát Phổ Hiền thực tiễn. Bốn đại Bồ-tát dạy chúng ta khai phá kho báu tự tánh. Bốn pháp môn này thiếu một cũng không được, giống như bốn chân của cái bàn vậy, thiếu một cái là ngã xuống ngay, nó không thể đứng vững được. Nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Những gì mà Phật nói ở trong tất cả Kinh Đại thừa, ngàn Kinh vạn luận không ngoài việc này. Chư Phật Bồ-tát sáng tỏ rồi, liền thực hiện, các Ngài được thọ dụng. Cái các Ngài được là đại tự tại, đại viên mãn. Chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, đã mê mất tự tánh rồi, làm càn làm bậy, cho nên tạo lục đạo luân hồi, trôi lăn trong sanh tử, vĩnh viễn không có ngày ra. Nhưng mà tánh đức của chúng ta, bất kể đang giác, bất kể đang mê, nó hoàn toàn không thay đổi. Ngộ cũng không có tăng thêm một mảy may, mê cũng không có giảm đi một chút nào. Tại vì sao Phật tôn kính tất cả chúng sanh, ngay cả muỗi, kiến cũng phải tôn kính? Vì muỗi, kiến cũng là chúng sanh, tánh đức của nó cũng là viên mãn, không có khác gì so với chư Phật Như-lai, chỉ là do nó mê thôi. Nó biến thành tình trạng này, nó không hiểu chuyện, làm càn làm bậy, tạo thành hình dạng này. Tuy tạo thành hình dạng này, nhưng tánh đức của nó vẫn là viên mãn như cũ, không có khiếm khuyết một mảy may. Cho nên chư Phật Như-lai đối với chúng tôn trọng bình đẳng, lễ kính bình đẳng, cũng cúng dường bình đẳng. Ở trong thập đại nguyện vương, Phật đối với chúng không tán thán, nhưng cung kính cúng dường thì nhất định là bình đẳng, từ bi đối với tất cả. Chúng ta cần nhận thức tâm địa, công nhận kho báu này, biết được chân tâm của chúng ta. Cái tâm này nói từ trên Bát nhã

chính là đại Bồ đề. Từ trên pháp thân mà nói, chính là đại Niết bàn. Đại Niết bàn thông thường cũng gọi là đại diệt độ. Niết bàn là tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa tiếng Trung Quốc là diệt độ. Nếu như dựa vào ba chữ “đại, diệt, độ” để nói, ý nghĩa của “đại” là pháp thân; “diệt” là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cái đó là được đại tự tại (đại tự tại là giải thoát); “độ” là sáng suốt, là giác ngộ, chính là trí huệ Bát nhã. Bồ-tát tu lục độ, sáu điều này là trí huệ. Các Ngài sống là đời sống trí huệ cao độ, các Ngài sống là đời sống trí huệ cứu cánh viên mãn. Chúng ta ngày nay sống là đời sống phiền não khổ sở.

Pháp thân, Bát nhã, giải thoát: Ba đức này là ba đức vốn có của tự tánh, mỗi mỗi đều đầy đủ thường lạc ngã tịnh. Cho nên thường lạc ngã tịnh chúng ta gọi là tứ tịnh đức. “Thường” là vĩnh hằng bất biến. “Lạc” là lìa tất cả khổ. Người thế gian chúng ta nói khổ lạc, cái khổ lạc này là đối lập. Hết thấy sự đối lập về khổ-lạc thấy đều không còn nữa, thấy đều hết rồi, dứt hết rồi. Ý nghĩa của “Ngã” là chủ thể, là tự tại. Thật sự có thể làm chủ thể được, thật sự được đại tự tại. “Tịnh” là thanh tịnh, không nhiễm mảy bụi, tâm địa không tịch. Trong chân tâm không được có một vật, Đại sư Huệ Năng nói rất hay: *“Xưa nay không một vật”*. Nên biết, xưa nay không có một vật nào, nếu bạn ở trong đây thêm vào một vật là sai rồi. Một ý nghĩ chính là một vật, không được thêm vào. Cho nên người tham thiền, niệm một tiếng Phật hiệu là bị ô nhiễm rồi, súc miệng ba ngày. Xưa nay không một vật, sao lại có chữ Phật vào chứ? Phật cũng không có. Phật cũng không có, chúng ta có cần niệm Phật không? Cần phải niệm. Cách niệm như thế nào vậy? Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm là đúng rồi, là chính xác rồi. Nếu như bạn có niệm, bạn liền có một vật. Vậy thì sai rồi! Bạn không niệm cũng có một vật. Có một vật gì vậy? Có cái không niệm, bạn cũng sai. Hay nói cách khác, niệm cũng sai mà không niệm cũng sai. Làm sao mới không sai vậy? Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì không sai. Không trụ hai bên, không giữ trung đạo; làm mà không làm, không làm mà làm, là giống như chư Phật Bồ-tát ứng hóa ở trong chín pháp giới, thị hiện đủ dạng thân, tham gia đủ dạng sự nghiệp, các Ngài vô niệm, vô sanh. Vô niệm, các Ngài không có lìa niệm. Vô sanh, các Ngài cũng không có lìa sanh. Các Ngài ở trong lục đạo xả thân thọ thân, thị hiện giống như chúng sanh vậy. Các Ngài là đến-đi đồng thời, tướng hiện ra không có mình, hiện tướng là từ bi mà ứng hiện, để giác ngộ chúng sanh. Tuy giác ngộ chúng sanh nhưng không có ý nghĩ giác ngộ chúng sanh. Giống như lời trên "Kinh Kim Cang" nói, tuy độ tất cả chúng sanh mà

thực không có chúng sanh nào được độ, họ không có khởi ý niệm này. Trên Kinh thường hay dùng mây để làm ví dụ. Ví dụ cái gì vậy? Vô tâm, vô niệm. Ở trong Phật pháp nói vô tác, vô vi. Vô vi mà không có gì là không làm, không làm mà không có gì là không làm. Như vậy là tương ưng với thể, tướng, dụng của tự tánh, với pháp thân, Bát nhã, giải thoát của tự tánh, là tương ưng với “Đại Phương Quảng”. Đây là hạnh Bồ-tát, đây là tâm Bồ đề.

Chúng ta ngày nay ở địa vị phàm phu, chúng ta có mê hoặc nghiêm trọng, chúng ta có nghiệp chướng sâu nặng, chúng ta cũng rất muốn khế nhập cảnh giới của Bồ-tát, vậy bắt tay làm từ đâu? Nhất định phải bắt tay làm từ đoạn tham sân si; Phật pháp, thế pháp đều không tham nhiễm; thuận cảnh không tham, nghịch cảnh không sân, bắt đầu làm từ đây, hành động từ chỗ này. Thuận cảnh nghịch cảnh biết rất rõ ràng, biết rất minh bạch là không si. Không tham, không sân, không si gọi là ba thiện căn. Đoạn ác tu thiện. Đoạn ác gì vậy? Đoạn tham sân si. Tu thiện gì vậy? Tu không tham, không sân, không si. Bắt tay làm từ chỗ này, khôi phục kho báu tự tánh của chúng ta. Bởi vì tham sân si là nghiêm trọng nhất ở trong tất cả chướng ngại. Cái nghiêm trọng nhất thì phải làm trước.

Chúng ta ngày nay không thể thành tựu được chính là không thể đoạn tham sân si, cho nên bất luận bạn tu học như thế nào, bạn cũng đều không thể bước vào cửa được, bạn làm cả đời cũng là phước báo hữu lậu mà thôi. Nếu như không tu hiểu kính thì phước báo hữu lậu này của bạn vẫn không phải hưởng ở nhân gian, mà hưởng ở trong đường ngạ quỷ, súc sanh. Đây đều là chân tướng sự thật, chúng ta không thể không biết rõ, không thể không sáng tỏ.

“**Bồ-tát**”, hai chữ này là tiếng Ấn Độ. Ý nghĩa của hai chữ này người xưa có hai cách phiên dịch: Một cách phiên dịch là chúng sanh có tâm đại đạo, đây là cách dịch xưa. Đại Sư Huyền Trang về sau dịch là Giác Hữu Tình, là chúng sanh hữu tình giác ngộ. Hai cách phiên dịch này đều hay.

Phật ở trên "Kinh Hoa Nghiêm" nói với chúng ta, "Kinh Hoa Nghiêm" cần phải truyền dạy cho người nào vậy? Phàm phu có tâm lượng lớn (đại tâm phàm phu). Quý vị phải biết, phàm phu có tâm lớn chính là phàm phu có tâm đại đạo. Tuy không gọi bạn là Bồ-tát, bạn chỉ cần phát tâm lớn thì bạn chính là Bồ-tát rồi. Nếu như gọi bạn là Bồ-tát, bạn sẽ giật nảy mình: “Tôi không phải Bồ-tát, tôi không dám

nhận”. Nói phàm phu có tâm lượng lớn thì được, tôi là phàm phu, tôi phát tâm lớn thì được. Nào ngờ rằng phàm phu có tâm lượng lớn chính là Bồ-tát.

Chúng ta là chúng sanh có cảm tình. Cảm tình chính là phiền não. Hữu tình chính là có phiền não. Tuy có phiền não, nhưng họ giác ngộ rồi. Cái này thì được. Giác ngộ rồi, tức là tôi đã xác định đúng phương hướng rồi. Tuy vẫn chưa vào cảnh giới của Phật, nhưng cái tâm, hạnh, phương hướng này của bạn đích thực là phương hướng thành Phật, góc độ không có sai lệch; giống như hàng hải, hàng không vậy, chúng ta nhắm La-bàn rất chính xác, phương hướng rất chuẩn xác, tuy vẫn chưa nhìn thấy bờ bên kia, nhưng mà biết nhất định là có thể đến được bờ bên kia. Đây là ý nghĩa của Bồ-tát.

Bồ-tát là người. Dứt khoát không được hiểu lầm. Bồ-tát không phải là thần, cũng không phải là tiên, Bồ-tát chính là người. Nếu như nói rõ ràng, sáng tỏ hơn một chút nữa thì Bồ-tát là một người sáng suốt, phàm phu là người mơ hồ. Nói thế này mọi người sẽ hiểu được. Đối với mọi người, mọi việc, mọi vật đều biết rất rõ ràng, rất minh bạch, biết được nghiệp nhân quả báo của nó, chúng ta thường nói nhân duyên quả báo, như thế thì gọi là Bồ-tát. Nếu như bạn không hiểu rõ, đối với người, với sự, với vật đều không sáng tỏ, không biết sự việc là như thế nào, đây gọi là phàm phu.

Danh hiệu của Bồ-tát Địa Tạng, chúng ta chỉ giới thiệu đơn giản đến chỗ này.

Bên dưới còn có hai chữ “**Bổn Nguyện**”. Bổn là căn bản. Ý nghĩa ở chỗ này là nói, cái nguyện này của Ngài không phải trong đời này mới phát. Chúng ta biết tất cả chúng sanh đều có đời quá khứ, cũng có đời vị lai, cho nên nói ba đời. Bồ-tát Địa Tạng ở trong đời quá khứ đã phát cái nguyện này. Quá khứ còn có quá khứ và quá khứ vô thủy. Vô thủy kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đều phát cái nguyện này, chúng ta gọi cái nguyện này là bổn nguyện. Cho nên cái nguyện này là có căn bản, không phải ở trong đời này mới phát. Nguyện là một loại hy vọng, là một loại mong cầu. Cái mong cầu này, hy vọng có thể đạt được, vậy liền gọi nó là nguyện. Nếu như ý này nói sâu hơn một chút nữa, bổn chính là chân như bổn tánh. Và nguyện là sinh ra từ trong bổn tánh. Đây mới là ý nghĩa chân thật của “Bổn Nguyện” ở trong pháp Đại thừa.

Bồ-tát, như lời trong "Kinh Hoa Nghiêm" nói là pháp thân đại sĩ, đã đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, gọi là phá một phẩm vô minh chứng một phần

pháp thân, quả thật là khế nhập cảnh giới trên quả địa Như-lai. Tuy khế nhập chưa đủ sâu, nhưng mà đã bước vào, đã là minh tâm kiến tánh. Cái nguyện vào lúc này là phát xuất ra từ trong tự tánh. Người chưa có kiến tánh thì hình thành tâm nguyện từ trong thức. Chúng ta nói có đời quá khứ, còn có đời quá khứ nữa, nhiều đời nhiều kiếp đều phát cái nguyện này, đây là nói từ trong thức tâm. Sau khi minh tâm kiến tánh rồi thì nói từ trong bản tánh. Hai ý nghĩa này đều có thể gọi là bản nguyện. Ý nghĩa của bản nguyện sâu cạn có sai khác, nhưng ở trên tướng dụng rất giống nhau. Trên sự tướng, vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp có cái nguyện này. Nguyện lực này của họ rất mạnh, cũng không dễ dàng bị đời đời bởi cảnh giới bên ngoài. Cho dù bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, họ cũng quay đầu rất nhanh, họ sẽ giác ngộ, họ sẽ quay đầu, họ có thể sám hối. Nếu như cái nguyện này đời này mới phát, hoặc giả là mới phát trong một đời, hai đời quá khứ, thì sức mạnh này của họ cạn, rất dễ bị ngoại cảnh mê hoặc. Sau khi mê rồi thì không dễ gì quay đầu, không biết sám hối, chúng ta mới biết cái nguyện lực này của họ không đủ độ sâu, cũng chính là họ không có “Bản”. Nếu như có “Bản” thì nhất định chịu quay đầu.

Chúng ta xem ở trong Quán Kinh, vua A-xà-thế tạo đủ dạng tội nghiệp, đến khi bản thân thọ nhận quả báo này, bệnh khổ hiện tiền, tướng địa ngục hiện tiền, ông có thể hối lỗi, có thể làm lại cuộc đời, chứng tỏ ông trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp ông tu trì có sức mạnh, nguyện lực của ông rất lớn. Tuy nhất thời hồ đồ, nhất thời mê rồi, đến giờ phút quan trọng, ông vẫn có thể giác ngộ. Đây đều là thấy từ trên sự tướng. Nếu như là Bồ-tát pháp thân phát nguyện từ trong tự tánh, đó mới là bản nguyện chân thật, nhất định sẽ không bị dao động bởi ngoại cảnh. Cho dù ở thời đại lớn này, Phật ở trên Kinh nói: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”, họ cũng sẽ như như bất động không bị ảnh hưởng. Đây là một chút ý nghĩa của bản nguyện.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ giảng đến chỗ này.

\*\*\*\*\*

## **Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện Quyền Thượng (tập 1)**

Người giảng: Pháp Sư Tịnh Không

Địa Điểm: Tịnh Tông Học Hội Singapore

Thời gian: Tháng 5, năm 1998.

Cản dịch: Viên Đạt cư sĩ

Giám định phiên dịch: Vọng Tây Cư Sĩ

Biên tập: Ban biên tập Tịnh Không Pháp Ngữ